

Bản án số: 40/2023/HS-ST

Ngày: 18 - 8 - 2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đồng Ánh Đông.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Thảo.

2. Bà Trần Thị Kia.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2023/TLST-HS ngày 09/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HS ngày 21/7/2023 đối với các bị cáo:

**1. Bùi Quốc T**, sinh ngày 16/7/1991 tại Gia Lai; nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Bùi T và bà Dương Thị Th; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 05/02/2020, bị Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính 2.000.000đ về hành vi đánh người khác bị thương; bị tạm giữ từ ngày 29/12/2022, tạm giam từ ngày 07/01/2023 đến ngày 28/3/2023; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/3/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

**2. Trần Thị H**, sinh ngày 26/6/1976 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trần Quang V (đã chết) và bà Đặng Thị H; có chồng là Lê Thanh T (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 29/3/2023 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quốc T:* Ông Nguyễn Công Tr là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai - Chi nhánh số 2. Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Võ Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Đào Tuyết Tr, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Đào Thị Tr, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Đinh Thị Xuân D, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

6. Nguyễn Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

7. Trần Vĩnh Ph, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ N, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

8. Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

9. Trần Thị Đắc Tr, sinh năm 1969; địa chỉ: xx Võ Văn Dũng, Tổ M, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

10. Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

11. Trương Thanh D, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

12. Trịnh Thị C, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

13. Châu Thị Tr, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ H, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

14. Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

15. Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Quốc T làm nghề lái xe, để kiếm thêm thu nhập T nảy sinh ý định cho người khác vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Bùi Quốc T và Trần Thị H có quan hệ quen biết ngoài xã hội. Đầu tháng 6/2022, T nhiều lần cho H vay tiền với lãi suất cao. Thấy có nhiều người có nhu cầu vay tiền, Trần Thị H đã giới thiệu cho họ vay tiền T, cho số điện thoại của T cho người có nhu cầu vay để liên lạc. Trần Thị H đã giúp Bùi Quốc T trực tiếp theo dõi, ghi chép các khoản tiền của người vay, trung gian nhận tiền, giao tiền vay giữa 15 người vay với T.

Để thực hiện hành vi cho vay lấy lãi, khi có người muốn vay tiền, T hẹn gặp tại nhà của người vay hoặc tại nhà H hoặc thông qua điện thoại, hai bên sẽ thỏa thuận miệng về lãi suất và cách thức trả lãi, gốc. Sau đó, T trực tiếp đưa tiền cho người vay tại nhà H hoặc đưa tiền thông qua H hoặc tại nhà người vay. Khi người vay đồng ý vay, T đặt hai hình thức vay: Vay trả lãi, gốc theo ngày và vay trả lãi theo ngày.

Các gói vay trả lãi và gốc theo ngày (tiền ngày) với chu kỳ vay 30 ngày, lãi suất cho vay 243%/năm/khoản vay để lựa chọn: Vay 2.500.000đ trả lãi, gốc hàng ngày là 100.000đ/ngày, tương tự vay 5.000.000đ trả 200.000đ/ngày, vay 7.500.000đ trả 300.000đ/ngày, vay 10.000.000đ trả 400.000đ/ngày.

Đối với gói vay trả lãi theo ngày (tiền đứng), người vay được vay một khoản tiền, tương ứng khoản tiền lãi phải trả hàng ngày, lãi suất 365%/năm, không giới hạn thời gian trả, khi nào người vay đủ khả năng trả tiền gốc thì chấm dứt việc cho vay. Nếu người vay trả một phần tiền gốc thì T sẽ hạ tiền lãi tương ứng với khoản vay. Cụ thể: Vay 3.000.000đ trả lãi 30.000đ/ngày, 5.000.000đ trả lãi 50.000đ/ngày, 6.000.000đ trả lãi 60.000đ/ngày, 7.000.000đ trả lãi 70.000đ/ngày.

Trường hợp cho vay chưa hết thời hạn vay theo thỏa thuận gói trả gốc và lãi, người vay không có khả năng trả tiếp thì sẽ đáo hạn để vay một khoản mới bằng giá trị, khi đưa tiền T sẽ trừ luôn số tiền tương đương với số ngày họ chưa đóng ở lần vay trước, còn lại bao nhiêu tiền thì người vay được nhận. Nếu người vay muốn vay một khoản tiền mới, không liên quan đến khoản vay cũ thì T cho họ nợ khoản vay cũ và bắt đầu cho vay khoản tiền mới hoặc cộng các khoản vay còn nợ kể cả khoản nợ trả lãi theo ngày và ấn định lãi suất, thời gian trả.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 12/2022, T cho 16 người dân trên địa bàn thị xã A vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính cụ thể như sau:

1. **Võ Thị L:** Thông qua quen biết với Trần Thị H, chị L biết H đang vay tiền của Bùi Quốc T nên chị L đến nhà H ở Tổ B, phường A chờ gặp T để vay tiền. Lần 1: Ngày 15/6/2022, chị Võ Thị L vay của Bùi Quốc T số tiền 10.000.000đ tiền ngày, trả gốc và lãi 400.000đ/ngày, trong 30 ngày lãi suất là 243%/năm, chị L đáo hạn 02 lần với số tiền 10.000.000đ/01 lần đáo hạn. Đáo hạn lần 3, lần 4 với số tiền 5.000.000đ/01 lần đáo hạn, trả 200.000đ/ngày thì chị L đã trả đủ tiền gốc và lãi (*tiền gốc là 40.000.000đ + tiền lãi là 8.000.000đ*). Được Trần Thị H nhờ, L đứng tên đáo hạn tiếp 01 lần nữa để Trần Thị H vay số tiền

5.000.000đ, H trả được 15 ngày tiền gốc và lãi thì không đóng nữa (*tiền gốc là 2.500.000đ + tiền lãi là 500.000đ*). Lần 2: Ngày 25/7/2022, L vay 10.000.000đ, đáo hạn 03 lần thì trả đủ tiền gốc và lãi (*tiền gốc là 40.000.000đ + tiền lãi là 8.000.000đ*). Tiếp tục L đứng tên đáo hạn lần thứ 4 cho Trần Thị H số tiền 10.000.000đ, H trả được 14 ngày gốc và lãi cho T thì không đóng nữa (*tiền gốc là 4.666.667đ + tiền lãi là 933.333đ*). Lần 3: Ngày 10/9/2022, L vay 5.000.000đ, đáo hạn 01 lần với số tiền 7.500.000đ, đã trả đủ gốc và lãi (*tiền gốc là 12.500.000đ + tiền lãi là 2.500.000đ*). Sau đó, L tiếp tục đứng tên đáo hạn số tiền 7.500.000đ cho H, H trả được 07 ngày gốc và lãi cho T thì không trả nữa (*tiền gốc là 1.750.000đ + tiền lãi là 350.000đ*). Lần 4: Ngày 08/9/2022, L đứng tên vay 10.000.000đ tiền đứng với lãi suất 365%/ năm, trong đó L lấy 3.000.000đ, chịu trách nhiệm trả lãi 30.000đ/ngày và chia cho H 7.000.000đ trả lãi 70.000đ/ ngày, đối với khoản vay này, L và H đã trả được 48 ngày (*L trả lãi 1.440.000đ, H trả lãi 3.360.000đ*). Như vậy, T đã cho chị L thực vay số tiền 95.500.000đ, số tiền chị L đã trả cho T là 112.440.000đ, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 18.340.548đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.599.452đ, tiền gốc là 92.500.000đ. Số tiền vay gốc chị L còn nợ T là 3.000.000đ.

2. **Phạm Thị Ngọc A:** Vào khoảng tháng 9/2022, Phạm Thị Ngọc A đến nhà Trần Thị H gặp T để vay tiền. Lần 1: Ngày 24/9/2022, A vay của T số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm, đáo hạn 02 lần, lần cuối trả được 15 ngày thì không trả nữa (*tiền gốc 12.000.000đ + tiền lãi 2.500.000đ*). Lần 2: A vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày, đáo hạn 01 lần, trả được 08 ngày tiền lãi và gốc thì không trả nữa (*tiền gốc 6.333.333đ + tiền lãi 1.266.667đ*). Lần 3: A vay 5.000.000đ tiền đứng, trả lãi 50.000đ/ngày, lãi suất 365%/ năm. A đã trả lãi 45 ngày tương ứng với số tiền 2.250.000đ. Như vậy, T đã cho chị A vay 30.000.000đ, số tiền chị A đã trả cho T là 24.850.000đ, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 5.583.790đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 432.877đ, tiền gốc là 18.833.333đ. Số tiền vay gốc chị A còn nợ T là 11.166.667đ.

3. **Đào Tuyết Tr:** Biết H đang vay tiền T nên vào tháng 6/2022, Tr đến nhà H gặp T để vay tiền. Lần 1: Ngày 27/6/2022, Tr vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm. Tr đã đáo hạn 04 lần, sau đó đã trả đủ tiền gốc và lãi (*tiền gốc 25.000.000đ + tiền lãi 5.000.000đ*). Lần 2: Tr vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày, đã trả đủ gốc và lãi (*tiền gốc 5.000.000đ + tiền lãi 1.000.000đ*). Lần 3: Tr vay 10.000.000đ, trả 400.000đ/ngày, trả được 04 ngày thì không trả nữa (*tiền gốc 1.333.333đ và tiền lãi 266.667đ*). Ngoài ra, ngày 27/6/2022, Tr vay 5.000.000đ tiền đứng, đóng 50.000đ/ngày với lãi suất 365%/ năm, trả được 24 ngày (*tương ứng 1.200.000đ tiền lãi*). Ngày 22/7/2022, Tr trả 500.000đ tiền gốc, đóng lãi 29 ngày (*tương ứng số tiền 1.305.000đ*), ngày 08/8/2022 Tr mượn thêm 5.000.000đ tiền gốc, trả lãi 70 ngày (*tương ứng số tiền 3.500.000đ*), ngày 21/8/2022 Tr trả 500.000đ tiền gốc, trả lãi 34 ngày (*tương ứng số tiền 1.360.000đ*), ngày 24/9/2022 Tr trả 500.000đ tiền gốc 18 ngày, ngày 12/10/2022 Tr trả 500.000đ tiền gốc đóng được 05 ngày (*tương ứng số tiền 150.000đ*). Như vậy, T đã cho bà Tr

vay 50.000.000đ, số tiền bà Tr đã trả cho T là 47.745.000đ trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 13.450.297đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 961.369đ. Số tiền vay gốc bà Tr còn nợ T là 16.666.667đ.

4. **Đào Thị Tr:** Ngày 21/6/2022, Đào Thị Tr vay Bùi Quốc T số tiền 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm, đáo hạn 02 lần, lần cuối Tr trả được 05 ngày thì không trả nữa (*tiền gốc là 10.833.333đ và tiền lãi là 2.166.667đ*). Ngày 26/6/2022, Tr vay số tiền 6.000.000đ tiền đứng, trả lãi 30 ngày. Tiếp đó, Tr trả 500.000đ tiền gốc rồi trả lãi trong 7 ngày. Sau đó, T đã cộng tiền gốc và lãi mà Tr còn nợ thành 10.500.000đ, ấn định trả trong thời gian 8 tháng, với mỗi ngày 70.000đ. Tr trả được 19 ngày tương ứng số tiền 1.330.000đ. Như vậy, T đã cho bà Tr vay 21.000.000đ, số tiền bà Tr đã trả cho T là 17.015.000đ trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 4.159.414đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 297.808đ, tiền gốc là 12.557.778đ. Số tiền vay gốc bà Tr còn nợ T là 8.442.223đ.

5. **Đinh Thị Xuân D:** Do biết Trần Thị H vay tiền T nên bà Đinh Thị Xuân D nhờ H vay tiền T để kinh doanh tạp hóa. Ngày 26/8/2022, T đưa cho H 5.000.000đ để đưa cho bà D, thỏa thuận trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm. Sau khi nhận tiền, bà D nói với H là T cho vay lãi suất vay cao nên không muốn vay nữa. Thấy vậy, H đã lấy số tiền vay 5.000.000đ rồi đưa cho bà D mượn lại 1.400.000đ, trả gốc và lãi 50.000đ/ngày, H lấy 3.600.000đ, trả gốc và lãi 150.000đ/ngày. Hàng ngày, H thu tiền từ bà D cùng với tiền của H để trả cho T. Khoản vay này, cả hai đã trả đủ. Ngày 24/9/2022, H nhờ bà D đứng tên vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm, sau đó H đưa cho bà D mượn lại 1.000.000đ, không trả lãi. H đã trả đủ cho T gốc và lãi của số tiền 5.000.000đ. Bà D đã trả đủ cho H 1.000.000đ. Như vậy, T cho vay là 10.000.000đ, số tiền H và D đã trả T là 12.000.000đ, tiền thu lợi bất chính là 1.835.616đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 164.384đ, tiền gốc là 10.000.000đ.

6. **Nguyễn Thị D:** Do biết Trần Thị H vay tiền T nên bà Nguyễn Thị D đến nhà H để gặp T vay tiền. Vào ngày 30/7/2022, D đã tìm gặp T vay 2.500.000đ tiền ngày, trả 100.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm, sau đó H và D thỏa thuận chia đôi khoản vay này (*H và D mỗi người vay của T 1.250.000đ*). H và D đã trả đủ tiền gốc và lãi. Như vậy, T cho D vay 1.250.000đ, D đã trả cho T 1.500.000đ, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính là 229.452đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 20.548đ, tiền gốc 1.250.000đ.

6. **Trần Vĩnh Ph:** Khoảng tháng 6/2022, Ph đã đến nhà H tìm gặp T để vay tiền, Ph vay 5.000.000đ, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm, Ph trả đủ tiền gốc và lãi (*tiền gốc là 5.000.000đ và tiền lãi T chỉ lấy 400.000đ*). Số tiền thu lợi bất chính là 326.027đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 73.973đ, tiền gốc 5.000.000đ.

7. **Nguyễn Thị Hồng Th:** Khoảng tháng 8/2022, H đã gọi Th đến nhà H gặp T vay tiền, T cho Th vay 02 lần: Ngày 05/8/2022, Th vay T số tiền 5.000.000đ tiền

ngày, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm. Tháo hạn 02 lần và trả đủ tiền theo thỏa thuận (*tiền gốc là 15.000.000đ + tiền lãi là 5.000.000đ*). Ngày 15/9/2022, Th tiếp tục vay 5.000.000đ, tháo hạn 01 lần và đã trả xong (*tiền gốc 10.000.000đ + tiền lãi 2.000.000đ*). Như vậy, T cho Th vay 25.000.000đ, Th đã trả cho T 30.000.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 4.589.041đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 410.959đ, tiền gốc 25.000.000đ.

8. **Trần Thị Đắc Tr:** Ngày 20/7/2022, bà Tr vay T số tiền 5.000.000đ tiền ngày, trả 200.000đ/ngày với lãi suất là 243%/năm. Bà Tr tháo hạn 05 lần, lần cuối trả được 08 ngày thì không trả nữa (*tiền gốc là 26.333.333đ + tiền lãi 5.266.667đ*). Ngày 08/8/2022, bà Tr vay 2.500.000đ, trả 100.000đ/ngày với lãi suất 243%/năm tháo hạn 04 lần, lần cuối trả được 03 ngày thì không trả nữa (*tiền gốc là 10.250.000đ + tiền lãi là 2.050.000đ*). Ngày 20/10/2022, bà Tr vay 2.500.000đ tiền ngày, trả được 15 ngày thì không trả nữa (*tiền gốc 1.250.000đ + tiền lãi 250.000đ*). Ngày 30/8/2022, bà Tr vay 4.500.000đ tiền đứng, trả lãi 45.000đ/ngày, lãi suất 365%/năm, đã trả 77 ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 3.465.000đ tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Thấy bà Tr nợ nhiều, T cộng tiền gốc và lãi các khoản vay mà bà Tr nợ thành 14.765.000đ, Tr đồng ý và trả 200.000đ/ngày với lãi suất 0% cho đến khi hết. Bà Tr đã trả được 2.100.000đ. Như vậy, T cho bà Tr vay số tiền 49.500.000đ, bà Tr đã trả được 50.965.000đ trong đó tiền thu lợi bất chính là 10.660.556đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 811.781đ. Số tiền gốc bà Tr còn nợ T là 10.007.337đ.

9. **Nguyễn Thị Thanh H:** Ngày 01/11/2022, H đến nhà H tìm T vay 10.000.000đ tiền ngày, đóng 400.000đ/ngày với lãi suất 243%/năm, thời hạn vay 30 ngày. T đã nhận số tiền mà bà H trả tương ứng với 16 ngày gốc và lãi. Sau đó bà H đưa tiền cho Đào Tuyết Tr trả cho T 14 ngày tiền lãi và gốc tương ứng với số tiền 5.600.000đ (*tiền gốc 4.666.667đ + tiền lãi 933.333đ*), bà Tr không đưa cho T mà sử dụng vào việc cá nhân. Vì vậy, bà Tr phải có trách nhiệm nộp lại số tiền 5.600.000đ. Như vậy, T cho bà H vay số tiền 10.000.000đ, T đã thu được 6.400.000đ, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 978.995đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 87.671đ, tiền gốc là 5.333.334đ.

10. **Trương Thanh D:** Ngày 14/10/2022, Trương Thanh D đến nhà Trần Thị H gặp Bùi Quốc T để vay tiền, T cho D vay 4.000.000đ tiền đứng, trả lãi 40.000đ/ngày với lãi suất 365%/năm. D đã trả được 45 ngày tương ứng số tiền 1.820.000đ, trong đó tiền thu lợi bất chính là 1.720.274đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 99.726đ. Số tiền gốc D còn nợ T là 4.000.000đ.

11. **Trịnh Thị C:** Vào tháng 7/2021, Bùi Quốc T cho Trịnh Thị C vay 2.500.000đ tiền ngày, đóng 100.000đ/ngày với lãi suất 243%/năm. Bà C tháo hạn 01 lần và trả đủ tiền gốc và lãi. Như vậy, T cho bà C vay số tiền 5.000.000đ, bà C đã trả được 6.000.000đ trong đó tiền thu lợi bất chính là 917.808đ, tiền lãi tương

ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 82.192đ, tiền gốc là 5.000.000đ.

12. **Châu Thị Tr:** Vào tháng 6/2022, Trần Thị H cho bà Châu Thị Tr số điện thoại của T, bà Tr đã liên hệ T để vay tiền. Ngày 18/6/2022, Tr vay 2.500.000đ tiền ngày, đóng 100.000đ/ngày với lãi suất 243%/năm. Tr đáo hạn lần 01 với số tiền 2.500.000đ, đáo hạn lần 02, lần 03 với số tiền 3.750.000 đồng. Tr đã trả đủ gốc và lãi (*tiền gốc 12.500.000đ và tiền lãi là 2.500.000đ*). Ngày 21/8/2022, bà Tr vay 2.500.000đ tiền ngày, đáo hạn 01 lần và trả đủ tiền gốc và lãi (*tiền gốc là 5.000.000đ và tiền lãi là 1.000.000đ*). Ngày 29/6/2022, bà Tr vay 5.000.000đ tiền đứng, trả lãi 50.000đ/ngày, lãi suất 365%/năm, đã trả tiền lãi 12 ngày (*tương ứng số tiền 600.000đ*), ngày 12/7/2022 Tr trả 500.000đ tiền gốc, trả lãi 27 ngày (*tương ứng số tiền 1.215.000đ*), ngày 08/8/2022 bà Tr trả 500.000đ tiền gốc, đã trả lãi 6 ngày (*tương ứng số tiền 240.000đ*), ngày 14/8/2022 bà Tr trả 500.000đ tiền gốc, đã trả lãi 30 ngày (*tương ứng số tiền 1.050.000đ*), ngày 14/9/2022, Tr trả 500.000 đồng tiền gốc, trả lãi 6 ngày (*tương ứng số tiền 180.000đ*). Sau đó, bà Tr đã trả đủ tiền gốc. Như vậy, T cho bà Tr vay số tiền 22.500.000đ, bà Tr đã trả được 29.285.000đ trong đó tiền thu lợi bất chính là 6.317.329đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 467.671đ, tiền gốc 22.500.000đ.

14. **Nguyễn Văn Kh:** Ngày 24/6/2022, Trần Thị H liên lạc Bùi Quốc T để hỏi vay tiền cho ông Nguyễn Văn Kh. T đã cho ông Kh vay 5.000.000đ tiền đứng, lãi suất 365%/ năm. Ông Kh đã trả 60 ngày tiền lãi, tương ứng số tiền 3.000.000đ và trả đủ tiền gốc. Như vậy, T cho ông Kh vay số tiền 5.000.000đ, ông Kh đã trả 8.000.000đ trong đó tiền thu lợi bất chính là 2.835.616đ và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 164.384đ, tiền gốc 5.000.000đ.

15. **Nguyễn Hữu Đ:** Vào tháng 6/2022, Bùi Quốc T cho ông Nguyễn Hữu Đ vay 3.000.000đ, trả lãi 30.000đ/ngày với lãi suất 365%/ năm. Ông Đ đã trả tiền lãi 70 ngày tương ứng số tiền 2.100.000đ và trả đủ tiền gốc. Như vậy, T cho ông Đ vay số tiền 3.000.000đ, ông Đ đã trả 5.100.000đ trong đó tiền thu lợi bất chính là 1.984.932đ và tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 115.068đ, tiền gốc 3.000.000đ.

16. **Trần Thị H:** Vào tháng 6/2022, Bùi Quốc T cho Trần Thị H vay tiền, 05 (*năm*) lần: Lần 1: H vay 5.000.000đ tiền ngày, đóng 200.000đ/ngày với lãi suất 243%/năm. H đáo hạn lần 01 với số tiền 10.000.000đ, đáo hạn lần 02, lần 03 với số tiền 12.500.000đ/một lần đáo hạn, đáo hạn lần 04 với số tiền 7.500.000đ, sau đó trả được 20 ngày. Lần 2: H vay 7.500.000đ tiền ngày, đóng 300.000đ/ngày với lãi suất 243%/năm, đáo hạn 03 lần, lần cuối trả được 08 ngày. Lần 3: H vay 5.000.000đ tiền ngày, đóng 200.000đ/ngày, H trả được 23 ngày. Lần 4: H vay 5.000.000đ tiền đứng, trả lãi 50.000đ/ngày, lãi suất 365%/ năm, trả 3.500.000đ tiền lãi, còn nợ tiền gốc. Lần 5: H vay 5.000.000đ tiền đứng, trả 40 ngày tiền lãi tương ứng với số tiền 2.000.000đ, còn nợ tiền gốc. Lần 6: Vay 7.000.000đ tiền đứng, trả lãi 48 ngày tương ứng số tiền 3.360.000đ, còn nợ gốc. T phát hiện bà L

đứng tên vay tiền dùm cho H nên ngày 01/11/2022 T đã cộng tiền nợ gốc và lãi của Trần Thị H và Võ Thị L thành 50.000.000đ, ấn định trả 500.000đ/ ngày trong vòng 135 ngày, H đã trả 5.500.000đ. Như vậy, T cho H vay (*H đứng tên và cả khoản bà Võ Thị L, Nguyễn Thị D, Đinh Thị Xuân D đứng tên vay dùm*) là tổng số tiền 116.250.000đ, H đã trả 126.560.000đ, trong đó tiền thu lợi bất chính là 26.335.034đ, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.022.465đ, tiền gốc là 98.202.501đ. Số tiền gốc H còn nợ T là 35.047.500đ.

Như vậy, tổng số tiền Bùi Quốc T đã cho 16 người vay là 460.000.000đ. Số tiền người vay đã trả là 473.080.000đ, trong đó tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 7.647.944đ, tiền thu lợi bất chính là 98.429.113đ. Số tiền gốc người vay chưa trả cho Tuấn là 92.997.061đ.

Trần Thị H có hành vi giúp sức cho Bùi Quốc T theo dõi các khoản vay, nhận tiền của 15 người vay chuyển cho T và lấy tiền từ T giao cho người vay, với số tiền thu lợi bất chính giúp cho T là 72.094.079đ.

Vật chứng tạm giữ:

Khám xét nơi ở của Bùi Quốc T thu: 01 tờ giấy kê ô ly hiệu Hongha, có chữ viết bằng mực xanh và có chữ ghi họ tên Đào Tuyết Tr trong túi áo khoác màu đen, được đánh số 1 và có chữ ký xác nhận Bùi Quốc T; 01 tờ giấy kê ô ly hiệu Hongha có chữ viết chữ số bằng mực xanh, cơ chữ ký chữ viết ghi Đắc Tr thu giữ trong túi áo khoác màu đen, sau đó đánh số 2 và có chữ ký xác nhận Bùi Quốc T; 01 thẻ ATM màu cam số 9704051012822311 của Ngân hàng Agribank phát hành; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng, màn hình bị nứt số IMEI 359206071044820 bên trong có 01 sim điện thoại 0866072219 trên sim có dãy số 8984048000061221661.

Số tiền 1.064.000đ do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen đã qua sử dụng, không kiểm tra thông tin bên trong, có 01 sim điện thoại có dãy số 8984048000905698086; 01 xe mô tô BKS 81F1-09622 hiệu Sirius màu xanh, đã qua sử dụng.

Trần Thị H giao nộp: 01 cuốn vở học sinh, loại kê ô ly, hiệu Tân Vĩnh Tiến gồm 33 trang có chữ viết, chữ số bằng mực xanh và đen.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tiến hành phong tỏa số tiền 2.532.862đ trong tài khoản 5002205005128 của Trần Thị H tại Ngân hàng Agribank chi nhánh A. Phong tỏa số tiền 59.148.920đ trong tài khoản 5015205093849 của Bùi Quốc T tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Đ.

Tại bản Kết luận giám định số 244/KL-KLGD ngày 16/3/2023 của Phòng kỹ thuật sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

1. Chữ viết có nội dung bắt đầu “Cô H còn 16 ngày..” và kết thúc “...26.960000” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1); chữ viết có nội dung bắt đầu “Cô TR...” và kết thúc “...14765” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) so với chữ viết của Bùi Quốc T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người viết ra.



2. Chữ viết có nội dung “tôi có nợ Bùi Quốc t số tiền và lãi Đào tuyết tr” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) so với chữ viết của Đào Tuyết Tr trên các mẫu so sánh (Ký hiệu M5, M6 và M7) do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết có nội dung bắt đầu “6 ngày...” và kết thúc “...Đắc Tr” mặt sau mẫu cần giám định (Ký hiệu A2) so với chữ viết của Trần Thị Đắc Tr trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M8 đến M11) do cùng một người viết ra.

4. Chữ viết trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A3) so với chữ viết của Trần Thị H trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M12 đến M16) do cùng một người viết ra.

Ông Ngô Văn Ng có hành vi giúp ông Nguyễn Văn Kh đưa tiền lãi và tiền gốc cho Trần Thị H để giao cho Bùi Quốc T. Ông N không biết thỏa thuận vay mượn giữa ông Kh và T, ông Kh không được lợi gì từ hoạt động cho vay nặng lãi nên không đề cập xử lý là phù hợp.

Việc Bùi Quốc T thực hiện hành vi cho vay lãi nặng và cất giấu giấy nợ trong phòng ngủ, thì mẹ T là bà Dương Thị Th không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không có căn cứ xử lý đối với bà Th là đúng quy định pháp luật.

Đối với một số giấy nợ mà người vay đã viết giao cho T giữ, vì sợ Cơ quan chức năng phát hiện nên T đã đốt hết, không truy tìm được.

Trong quá trình điều tra, Bùi Quốc T khai nhận việc Trần Thị H ghi chép các khoản vay, thu tiền từ người vay giúp T, T đã cho H tiền thù lao nhưng H không thừa nhận. Tuy nhiên, H khai mục đích H giúp T theo dõi các khoản vay, trung gian giao nhận tiền giữa T và người vay để T cho H tiếp tục vay tiền với lãi suất thấp. Cơ quan CSĐT Công an thị xã A tiến hành đối chất giữa T và H, tuy nhiên các bên vẫn giữ nguyên lời khai. Chỉ có lời khai của T, không có tài liệu nào chứng minh T trả tiền thù lao cho H nên không có cơ sở truy thu số tiền này.

Đối với khoản vay 1.000.000đ và 2.000.000đ tiền ngày mà Trần Thị H khai đã vay Bùi Quốc T vào giữa tháng 6/2022, T không thừa nhận cho vay số tiền này. Ngoài lời khai của H, không có tài liệu nào chứng minh T cho H vay hai khoản trên nên không có cơ sở để tính vào số tiền Tuấn cho vay.

Tại Bản cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 05/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố các bị cáo Bùi Quốc T và Trần Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Quốc T và Trần Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đề nghị căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Quốc T và Trần Thị H.

Đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Quốc T từ 24 tháng đến 30 tháng cải tại không giam giữ.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 12 tháng đến 18 tháng cải tại không giam giữ.

Khấu trừ 5%-10% thu nhập đối với bị cáo T trong thời gian chấp hành án để sung ngân sách Nhà nước. Đối với bị cáo H, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, một mình nuôi con nhỏ nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ. Bị cáo H phạm tội với vai trò giúp sức, không hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính nên xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho Bùi Quốc T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen đã qua sử dụng, màn hình bị nứt số IMEI 359206071044820 bên trong có 01 sim điện thoại 0866072219 trên sim có dãy số 8984048000061221661, sử dụng liên lạc cá nhân, không liên quan đến hoạt động cho vay. Số tiền mặt 1.064.000đ và 01 thẻ ATM màu cam số 9704051012822311 của Ngân hàng Agribank phát hành có số tiền 59.148.920đ bị phong tỏa trong tài khoản của Bùi Quốc T không liên quan đến hoạt động cho vay, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xanh đen đã qua sử dụng, không kiểm tra thông tin bên trong; 01 xe mô tô biển số 81F1-09622 hiệu Sirius màu xanh, là phương tiện cho vay và thu hồi nợ.

Trả cho Trần Thị H: Số tiền 2.532.862đ bị phong tỏa trong tài khoản của Trần Thị H không liên quan đến hoạt động cho vay, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0984.011.147 có dãy số 8984048000905698086.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 460.000.000đ - 92.997.061đ (số tiền người vay còn nợ) = 367.002.939đ.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 7.647.944đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 98.429.113đ. Cụ thể: Võ Thị L: 18.340.548đ, Phạm Thị Ngọc A: 5.583.790đ, Đào Tuyết Tr: 13.450.297đ, Đào Thị Tr: 4.159.414đ, Nguyễn Thị D: 229.452đ, Trần Vĩnh Ph: 326.027đ, Nguyễn Thị Hồng Th: 4.589.041đ, Trần Thị Đắc Tr: 10.660.556đ, Nguyễn Thị Thanh H: 978.995đ, Trương Thanh D: 1.720.274đ, Trịnh Thị C: 917.808đ, Châu Thị Tr: 6.317.329đ, Nguyễn Văn Kh: 2.835.616đ, Nguyễn Hữu Đ: 1.984.932đ, Trần Thị H: 26.335.034đ.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Bùi Quốc T để tịch thu sung ngân sách Nhà nước là 92.997.061đ. Cụ thể như sau: Võ Thị L: 3.000.000đ, Phạm Thị Ngọc A: 11.166.667đ, Đào Tuyết Tr: 16.666.667đ, Đào Thị Tr: 8.442.223đ, Trần Thị Đắc Tr: 10.007.337đ, Nguyễn Thị Thanh H (do Đào Tuyết Tr nộp): 4.666.667đ, Trương Thanh D: 4.000.000đ, Trần Thị H 35.047.500đ.

- Buộc Đào Tuyết Tr trả lại cho Nguyễn Thị Thanh H số tiền lãi 855.400đ và nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 77.933đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T vì thuộc hộ cận nghèo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H xin miễn án phí và xin trả lại số tiền bị phong tỏa 2.532.862đ.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Quốc T trình bày: Về tội danh thống nhất như Viện kiểm sát đã truy tố. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo T như: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đang nuôi mẹ già. Đề nghị xử phạt mức án từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí cho bị cáo T. Đề nghị trả lại xe mô tô biển kiểm soát 81F1-096.22 cho bị cáo T.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 12 năm 2022, bị cáo Bùi Quốc T đã cho 16 người vay với tổng số tiền 460.000.000đ, lãi suất từ 243% đến 365%/năm, cao gấp từ 12 đến 18 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 98.429.113đ. Trong đó, Trần Thị H giúp sức cho Bùi Quốc T giới thiệu người vay, thu tiền hàng ngày và đưa tiền vay, giúp cho Bùi Quốc T thu lợi bất chính 72.094.079đ. Do đó, hành vi của các bị cáo Bùi Quốc T và Trần Thị H đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Đánh giá về vai trò, mức độ tham gia và việc quyết định hình phạt đối với các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, bàn bạc, phân công chặt chẽ giữa các bị cáo nên không phải là trường hợp phạm tội có tổ chức. Trong đó, vai trò chính thuộc về bị cáo Bùi Quốc T. Bị cáo là người bỏ tiền ra cho vay, trực tiếp theo dõi các khoản tiền vay nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo Trần Thị H. Đối với bị cáo Trần Thị H đồng phạm với vai trò là người giúp sức, bị cáo giúp sức cho Bùi Quốc T thực hiện hành vi cho vay và thu nợ, do đó cũng cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là loại hình phạt cao nhất trong khung hình phạt mà các bị cáo đã phạm là phù hợp, đảm bảo việc răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời, khấu trừ 5% thu nhập đối với bị cáo T trong thời gian chấp hành án để sung ngân sách Nhà nước. Đối với bị cáo H, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, một mình nuôi con nhỏ nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T. Đối với bị cáo H phạm tội với vai trò giúp sức, không hưởng lợi từ số tiền thu lợi bất chính nên xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Xét thấy cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 81F1-096.22 hiệu Sirius màu xanh, đã qua sử dụng.

- Xét thấy cần tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0984.011.147 có dãy số 8984048000905698086.

- Trả cho Bùi Quốc T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại số 0866.072.219; số tiền 1.064.000đ và 01 thẻ ATM màu cam số 9704051012822311 của Ngân hàng Agribank phát hành, không liên quan đến hoạt động cho vay. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ các tài sản này để bảo đảm thi hành án.

[8] Về biện pháp tư pháp: Xét thấy cần truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền mà bị cáo Bùi Quốc T dùng để cho vay; tiền lãi tương ứng với mức lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, buộc bị cáo Bùi Quốc

T trả lại cho người vay số tiền thu lợi bất chính; buộc những người vay phải nộp số tiền vay gốc còn nợ để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 460.000.000đ - 92.997.061đ (số tiền người vay còn nợ) = 367.002.939đ.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 7.647.944đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc Tuấn phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 98.429.113đ. Cụ thể: Võ Thị L: 18.340.548đ, Phạm Thị Ngọc A: 5.583.790đ, Đào Tuyết Tr: 13.450.297đ, Đào Thị Tr: 4.159.414đ, Nguyễn Thị D: 229.452đ, Trần Vĩnh Ph: 326.027đ, Nguyễn Thị Hồng Th: 4.589.041đ, Trần Thị Đắc Tr: 10.660.556đ, Nguyễn Thị Thanh H: 978.995đ, Trương Thanh D: 1.720.274đ, Trịnh Thị C: 917.808đ, Châu Thị Tr: 6.317.329đ, Nguyễn Văn Kh: 2.835.616đ, Nguyễn Hữu Đ: 1.984.932đ, Trần Thị H: 26.335.034đ.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Bùi Quốc T để tịch thu sung ngân sách Nhà nước là 92.997.061đ. Cụ thể như sau: Võ Thị L: 3.000.000đ, Phạm Thị Ngọc A: 11.166.667đ, Đào Tuyết Tr: 16.666.667đ, Đào Thị Tr: 8.442.223đ, Trần Thị Đắc Tr: 10.007.337đ, Nguyễn Thị Thanh H (do Đào Tuyết Tr nộp): 4.666.667đ, Trương Thanh D: 4.000.000đ, Trần Thị H 35.047.500đ.

- Buộc Đào Tuyết Tr trả lại cho Nguyễn Thị Thanh H số tiền lãi 855.400đ và nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 77.933đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản với số tiền 59.148.920đ, trong tài khoản số 5015205093849 của Bùi Quốc T tại Ngân hàng Agribank để bảo đảm thi hành án.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản với số tiền 2.532.862đ, trong tài khoản số 5002205005128 của Trần Thị H tại Ngân hàng Agribank để bảo đảm thi hành án.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T vì thuộc hộ cận nghèo.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 106; Điều 129 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều 36; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Quốc T và Trần Thị H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.1. Xử phạt bị cáo Bùi Quốc T 27 (Hai mươi bảy) tháng cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ 02 (Hai) tháng 29 (Hai mươi chín) ngày tạm giữ, tạm giam bằng 08 (Tám) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Bùi Quốc T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo Bùi Quốc T trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bị cáo Bùi Quốc T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

1.2. Xử phạt bị cáo Trần Thị H 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo Trần Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Bùi Quốc T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu xanh đen, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 81F1-096.22 hiệu Sirius màu xanh, đã qua sử dụng.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại số 0984.011.147, trên sim có dãy số 8984048000905698086.

- Trả cho Bùi Quốc T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7, màu đen, đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại số 0866.072.219; số tiền 1.064.000đ và 01 thẻ ATM màu cam số 9704051012822311 của Ngân hàng Agribank phát hành, không liên quan đến hoạt động cho vay. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ các tài sản này để bảo đảm thi hành án.

*(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo như biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09/6/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).*

4. Về biện pháp tư pháp và biện pháp cưỡng chế:

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 460.000.000đ - 92.997.061đ (số tiền người vay còn nợ) = 367.002.939đ.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 7.647.944đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Bùi Quốc T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 98.429.113đ. Cụ thể: Võ Thị L: 18.340.548đ, Phạm Thị Ngọc A: 5.583.790đ, Đào Tuyết Tr: 13.450.297đ, Đào Thị Tr: 4.159.414đ, Nguyễn Thị D: 229.452đ, Trần Vĩnh Ph: 326.027đ, Nguyễn Thị Hồng Th: 4.589.041đ, Trần Thị Đắc Tr: 10.660.556đ, Nguyễn Thị Thanh H: 978.995đ, Trương Thanh D: 1.720.274đ, Trịnh Thị C: 917.808đ, Châu Thị Tr: 6.317.329đ, Nguyễn Văn Kh: 2.835.616đ, Nguyễn Hữu Đ: 1.984.932đ, Trần Thị H: 26.335.034đ.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Bùi Quốc T để tịch thu sung ngân sách Nhà nước là 92.997.061đ. Cụ thể như sau: Võ Thị L: 3.000.000đ, Phạm Thị Ngọc A: 11.166.667đ, Đào Tuyết Tr: 16.666.667đ, Đào Thị Tr: 8.442.223đ, Trần Thị Đắc Tr: 10.007.337đ, Nguyễn Thị Thanh H (do Đào Tuyết Tr nộp): 4.666.667đ, Trương Thanh D: 4.000.000đ, Trần Thị H 35.047.500đ.

- Buộc Đào Tuyết Tr trả lại cho Nguyễn Thị Thanh H số tiền lãi 855.400đ và nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 77.933đ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản với số tiền 59.148.920đ, trong tài khoản số 5015205093849 của Bùi Quốc T tại Ngân hàng Agribank để bảo đảm thi hành án.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản với số tiền 2.532.862đ, trong tài khoản số 5002205005128 của Trần Thị H tại Ngân hàng Agribank để bảo đảm thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị H phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Quốc T do thuộc hộ cận nghèo.

5. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (18/8/2023), các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)  
**Đồng Ánh Đông**